

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2025.

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài

Ông Doãn Đức Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1215/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1991

- Bị đơn: Ông Trần Xuân S, sinh năm 1983

Cùng HKTT: tổ I, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn - bà Trương Thị H, trình bày:*

Bà và ông Trần Xuân S tự nguyện tìm hiểu nhau, có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T cấp giấy chứng nhận ngày 13/5/2011.

Quá trình chung sống ban đầu bình thường tuy có mâu thuẫn nhưng bỏ qua cho nhau vì con cái còn nhỏ, do chưa giải quyết dứt điểm nên mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng. Có lúc ông S đập phá đồ đạc trong nhà, đi qua đêm, thường xuyên ăn nhậu, không phụ bà chi phí sinh hoạt và có thái độ coi thường bà và nhà vợ. Cuộc sống chung không có sự quan tâm, chia sẻ, không khí gia đình luôn ngột ngạt nên đầu tháng 12/2024 bà đã nói chuyện ly hôn với ông S thì ông S thông nhất ly hôn nhưng do là người có đạo nên không đồng ý ký tên. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S. Hiện tại, bà và con gái đã chuyển đến nhà chị gái ở Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống được 02 tháng. Do bận công việc và ở xa nên bà yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Bà và ông S có 03 con chung là cháu Trần Ngọc Thiên K, sinh ngày 15/3/2014, Trần Thiên B, sinh ngày 12/9/2016 và cháu Trần Thiên Bích N, sinh ngày 19/11/2018. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bích N và đồng ý giao cháu Thiên K, Thiên Bảo cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, bà đang phụ làm may cho chị gái ở Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng; ông S đang làm công nhân tại Công ty V nên có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai của bị đơn – ông Trần Xuân S, trình bày:*

Ông và bà Trương Thị H có chung sống tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T vào ngày 13/5/2011. Quá trình chung sống ban đầu bình thường, tuy có đôi lúc cãi nhau, do ông ít nói nên vợ chồng ít tâm sự. Giữa vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ, tình cảm của ông đối với vợ con bình thường và ông là người có đạo nên không đồng ý ly hôn. Theo ông, nguyên nhân chủ yếu để bà H đơn phương yêu cầu ly hôn là do mâu thuẫn với gia đình chồng. Do bận công việc nên ông yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là cháu Trần Ngọc Thiên K, sinh ngày 15/3/2014, Trần Thiên B, sinh ngày 12/9/2016 và cháu Trần Thiên Bích N, sinh ngày 19/11/2018. Trường hợp phải ly hôn thì ông đồng ý nuôi dưỡng chăm sóc cháu Thiên K và Thiên B, đồng ý giao cháu Bích N cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện ông đang làm công nhân tại Công ty V với mức lương khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Quá trình chung sống giữa bà Trương Thị H và ông Trần Xuân S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ, quan tâm nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà H được ly hôn với ông S; Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Ngọc Thiên K, sinh ngày 15/3/2014, Trần Thiên B, sinh ngày 12/9/2016 cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trần Thiên Bích N, sinh ngày 19/11/2018 cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Ông Trần Xuân S cư trú tại tổ I, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt*: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị H và ông Trần Xuân S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai ngày 13/5/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Theo trình bày của đương sự tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai thì thấy: bà H và ông S thừa nhận cuộc sống chung có phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt hằng ngày, vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ, quan tâm nhau và đều có mối quan hệ không hòa hợp với gia đình bên vợ, bên chồng. Mâu thuẫn chưa được giải quyết dứt điểm nên kéo dài và ngày càng trầm trọng. Bà H không yêu cầu hòa giải đoàn tụ vợ chồng và hiện tại đã cùng với cháu Bích N chuyển đến nhà chị gái sinh sống được 02 tháng nay. Tuy ông S cho rằng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ và ông là người có đạo nên không đồng ý ly hôn nhưng ông không thuyết phục được bà H hàn gắn quan hệ vợ chồng cũng như không đưa ra biện pháp nào để hóa giải mâu thuẫn.

Ngoài ra, biên bản xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S tại Ủy ban nhân dân xã Q (BL 26), thể hiện: Địa phương không nắm được và cũng không nhận được đơn yêu cầu hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Khi xảy ra mâu thuẫn, các đương sự tự giải quyết với nhau mà không nhờ chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải nên tình trạng mâu thuẫn kéo dài và không khắc phục được.

Do đó, cần xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông S là có thật, ông bà không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[2.2]. Về con chung: Bà H và ông S có 03 con chung là cháu Trần Ngọc Thiên K, sinh ngày 15/3/2014, Trần Thiên B, sinh ngày 12/9/2016 và cháu Trần Thiên Bích N, sinh ngày 19/11/2018. Ông S và bà H thống nhất nếu ly hôn, bà H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thiên Bích N, ông S được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Ngọc Thiên K và Trần Thiên B là phù hợp, vì: ông bà đều có công việc và thu nhập ổn định và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Tạm thời, bà H, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà H và ông S không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Bà H và ông S trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 147, 220, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H.

1. Bà Trương Thị H được ly hôn với ông Trần Xuân S.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Ngọc Thiên K, sinh ngày 15/3/2014, Trần Thiên B, sinh ngày 12/9/2016 cho ông Trần Xuân S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao cháu Trần Thiên Bích N, sinh ngày 19/11/2018 cho bà Trương Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời, bà H, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trương Thị H và ông Trần Xuân S được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Trương Thị H phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000403 ngày 18/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà H đã nộp đủ án phí.

Báo cho bà H và ông S biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Quảng Tiến,
(GCNKH số 41 ngày 13/5/2011)
- VKSND H.Trảng Bom;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- CC.THADS H.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thùy Dung